

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày: 20/7/2022.

V/v “*Xin ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt

2/ Bà Đinh Thị Phương Lan

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thế Nam - kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/6/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Kiều L**, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tà Lóc, xã S Kiên, huyện HĐ, tỉnh KG.

**Bị đơn:** Anh **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Vàm Biển, xã S Bình, huyện HĐ, tỉnh KG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Kiều L** trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Kiều L** và anh **Nguyễn Hoàng S** đi đến hôn nhân là do tự tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/8/2017. Trong quá trình chung sống anh S và

chị L sống rất hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mà nguyên nhân chủ yếu là do anh S không lo làm ăn, tính tình không hợp nhau nên chị và anh S thường xuyên cự cãi nhau; mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành, hiện chị và anh S đã sống ly thân với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống chị L và anh S có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Thùy Chi, sinh ngày 29/04/2017 và Nguyễn Hoàng Quang Đăng, sinh ngày 23/7/2019. Hiện nay 02 người con chung đang do chị L nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị L xác nhận quá trình chung sống chị và anh S không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* *Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt các thông báo thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* *Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày như sau*:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thùy Chi, sinh ngày 29/04/2017 và cháu Nguyễn Hoàng Quang Đăng, sinh ngày 23/7/2019 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Hoàng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Kiều L không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét vì đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:*

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S có nơi cư trú tại ấp Vàm Biển, xã S Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Vào năm 2017 chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Hoàng S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2017. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh S là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

Xét yêu cầu của chị L Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo chị L trình bày, trong thời gian chung sống với nhau giữa chị và anh S có phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do anh S không lo làm ăn, tính tình không hợp nhau nên chị và anh S thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hòa giải được nên chị và anh S đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Sau khi sống ly thân, chị và anh S không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị L đoàn tụ nhưng chị L vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh S. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S nhiều lần nhưng anh S vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ anh S cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Chị Nguyễn Thị Kiều L xác nhận chị và anh S có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Thùy Chi, sinh ngày 29/04/2017 và Nguyễn Hoàng Quang Đăng, sinh ngày 23/7/2019. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 người con chung.

Xét yêu cầu của chị L; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung của chị L là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; kể từ khi chị L và anh S sống ly thân với nhau thì cả 02 người con chung đều được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Hai người con chung đều còn rất nhỏ nên việc tiếp tục giao cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, điều này nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, giúp cháu phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần.

Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai người con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] *Về quan hệ tài sản và nợ chung*: Chị L khai rằng chị và anh S không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Kiều L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thùy Chi, sinh ngày 29/04/2017 và Nguyễn Hoàng Quang Đăng, sinh ngày 23/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Kiều L được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Hoàng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Kiều L không yêu cầu.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị L nuôi con, anh S được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số:

0007819, ngày 18/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị L không phải nộp thêm, anh S không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Đạt thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhân:**

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Thị Hồng Điệp**